

PHỤ LỤC 8.2

BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN VEN TRỰC GIAO THÔNG CHÍNH
(Thuộc huyện Khánh Sơn)

Khung giá đất ở (đồng/m ²)			
Loại đường	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	1.352.000	878.800	527.280
2	676.000	439.400	263.640
3	338.000	219.700	131.820

A. ĐẤT Ở

STT	TÊN ĐƯỜNG	Loại đường	Hệ số	Giá đất theo hệ số		
				Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
I	TỈNH LỘ 9					
1	Đoạn qua xã Ba Cùm Bắc					
1.1	Từ Nghĩa trang liệt sĩ đến giáp Cầu Suối Mây	3	0,60	202.800	131.820	79.092
1.2	Từ Cầu Suối Mây đến giáp ranh giới giữa thị trấn Tô Hạp và xã Ba Cùm Bắc	3	1,30	439.400	285.610	171.366
2	Xã Sơn Hiệp					
2.1	Từ giáp ranh thị trấn Tô Hạp đến giáp ranh xã Sơn Bình	3	0,50	169.000	109.850	65.910
3	Đoạn qua xã Sơn Bình					
3.1	Từ ngã ba đường cầu Gỗ đến giáp cầu Sơn Bình	3	1,30	439.400	285.610	171.366
3.2	Từ Cầu Sơn Bình đến giáp ranh xã Sơn Lâm	3	0,50	169.000	109.850	65.910
3	Đoạn qua xã Sơn Lâm					
3.1	Từ nhà ông Bùi Dần, thôn Cam Khánh đến cầu tràn KoRóa	3	1,00	338.000	219.700	131.820
3.2	Từ giáp ranh xã Sơn Bình đến nhà ông Bùi Dần thôn Cam Khánh	3	0,50	169.000	109.850	65.910
4	Xã Thành Sơn					
4.1	Từ nhà ông Đỗ Thanh Lâm, thôn Apa đến nhà bà Trang Hùng, thôn Apa 1	3	0,50	169.000	109.850	65.910
4.2	Từ nhà ông Út Hương, thôn Apa 2 đến giáp ranh xã Phước Bình - tỉnh Ninh Thuận	3	0,50	169.000	109.850	65.910
II	ĐƯỜNG LIÊN XÃ					
1	Từ Cầu Sơn Trung đến giáp UBND xã Sơn Trung (cũ)	2	1,00	676.000	439.400	263.640

B. ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP

- Giá đất thương mại dịch vụ được xác định theo vị trí, loại đường, hệ số như xác định giá đất ở và bằng 80% giá đất ở cùng vị trí đã quy định tại mục A nêu trên nhưng không được dưới khung giá tối thiểu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 quy định kèm theo Quyết định về giá các loại đất năm 2020 và ổn định 05 năm 2020-2024
- Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp được xác định theo vị trí, loại đường, hệ số như xác định giá đất ở và bằng 60% giá đất ở cùng vị trí đã quy định tại mục A nêu trên nhưng không được dưới khung giá tối thiểu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 quy định kèm theo Quyết định về giá các loại đất năm 2020 và ổn định 05 năm 2020-2024